TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 3 – Đ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 210/2026/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 11 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 354/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Khuyễn N, sinh ngày 16/3/1994; Địa chỉ: 218/1 Ấp A, xã T, tỉnh V;

- Bị đơn: Ông Lê Phước T, sinh ngày 28/10/1988; Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Khuyễn N và ông Lê Phước T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông T và bà N thống nhất giao 01 con chung tên là Lê Nguyễn Nhã V, sinh ngày 23/10/2023 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N T niên, lao động được. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông T và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Khuyễn N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Bà N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006262 ngày 28/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ được cấn trừ nên xem như đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND Khu Vực 3 – Đ;
- THADS tỉnh Đ;
- UBND xã B, tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Phạm Vân Trang